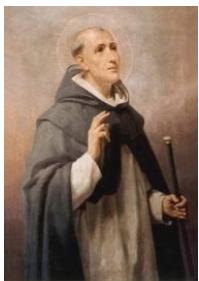


1/12 – Chân phước Gioan Vercelli (khoảng năm 1205-1283)

Ngài sinh gần Vercelli, Tây Bắc Ý. Không biết rõ về cuộc đời ngài lúc đầu. Ngài vào Dòng Đa Minh hồi thập niên 1240 và giữ các chức vụ lãnh đạo trong nhiều năm. Ngài được bầu làm tổng đại diện Dòng Đa Minh năm 1264, ngài phục vụ gần 20 năm. Ngài nổi tiếng có nghị lực và giản dị, thường đi bộ tới thăm các cơ sở Dòng Đa Minh, thúc giục các tu sĩ sống vâng lời và giữ hiến pháp Dòng.

Ngài được 2 vị giáo hoàng trao trọng trách đặc biệt. ĐGH Grêgôriô X giúp ngài và các tu sĩ Dòng Đa Minh để giúp ổn định nước Ý đang gặp rắc rối với nước khác. Ngài được mời phác thảo chương trình Công đồng Lyon II năm 1274. Tại công đồng này ngài đã gặp Giêrônimô Ascoli (sau là ĐGH Nicôla IV), lúc đó là tổng đại diện Dòng Phanxicô. Thời gian sau, hai vị này được Rôma phái đi điều đình vấn đề liên quan vua Philip III của Pháp. Một lần nữa, chân phước Gioan Vercelli có thể biểu hiện tài thương thuyết và kiến tạo hòa bình.

Sau Công đồng Lyon II, ĐGH Grêgôriô X giao cho ngài nhiệm vụ rao truyền lòng sùng kính Thánh danh Chúa Giêsu. Ngài yêu cầu mỗi nhà nguyện của Dòng Đa Minh đều có bàn thờ tôn sùng Thánh danh Chúa Giêsu, và thành lập những nhóm chống lại việc báng bổ và coi thường. Tới cuối đời, ngài được giao trách nhiệm làm giáo phụ Giêrusalem, nhưng ngài từ chối. Ngài vẫn là tổng đại diện Dòng Đa Minh cho đến khi qua đời.

2/12 – Chân phước Rafal Chyliński (1694-1741)

Ngài sinh gần Buk, thuộc vùng Poznan tại Ba Lan, tên thật là Melchior. Ngài tỏ ra đạo đức rất sớm, nên gia đình gọi ngài là "tu sĩ nhỏ". Sau khi học xong tại ĐH Dòng Chúa Cứu Thế ở Poznan, ngài gia nhập kỵ binh và và được thăng cấp sĩ quan trong vòng 3 năm.

Năm 1715, ngài vào Dòng Phanxicô ở Kraków, lấy tên dòng là Rafal, và 2 năm sau được thụ phong linh mục. Sau khi làm mục vụ ở 9 thành phố, ngài tới Lagiewniki (miền Trung Ba Lan), và ở đây 13 năm. Ở đâu ngài cũng nổi tiếng là giản dị, giảng hay, đại lượng. Mọi người noi gương hy sinh của ngài. Ngài chơi đàn harp, đàn lute và mandolin để hòa theo các bài thánh ca phụng vụ. Tại Lagiewniki, ngài phân phát lương thực và quần áo cho người nghèo.

Sau khi qua đời, mộ ngài được nhiều khách hành hương kính viếng ở Ba Lan. Ngài được phong chân phước tại Warsaw năm 1991.

3/12 – Thánh Phanxicô Xaviê, Linh mục, Bổn mạng các xứ truyền giáo (1506-1552)

"Nếu người ta được cả thế giới mà phải thiệt mất mạng sống thì nào có lợi gì?" (Mt 16:26). Lời này cứ lặp đi lặp lại trong đầu vị giáo sư triết học đang có triển vọng thăng tiến nghề nghiệp tại các học viện. Nhưng không để ý lắm tới lời nói đó, vì lúc đó ngài là giáo sư trẻ mới 24 tuổi, dạy tại Paris.

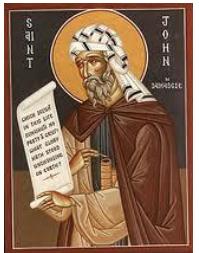
Bạn thân của ngài là thánh Inhaxiô Loyola đã kiên trì thuyết phục và ngài đã theo Chúa Kitô.

Ngài theo hướng dẫn của thánh Inhaxiô, và năm 1534 ngài gia nhập cộng đoàn nhỏ (nay là Dòng Chúa Cứu Thế). Tại Montmartre, họ cùng khấn Khó nghèo, Khiết tịnh và Làm tông đồ theo chỉ thị của ĐGH.

Ngài thụ phong linh mục tại Venice năm 1537, sau đó ngài đi tàu tới Lisbon rồi đi Đông Ấn, cắp bến tại Goa, Tây duyên hải Ấn Độ. Ngài dành nhiều thời gian ở Ấn Độ, và làm giám tỉnh Dòng Chúa Cứu Thế mới thành lập của tỉnh dòng Ấn Độ.

Đi đâu ngài cũng sống với những người khổ nhọc nhất, chia sẻ lương thực và ở những nơi nghèo khó với họ. Ngài dành nhiều thời gian cho người nghèo và người bệnh, nhất là người phong cùi. Ngài thường không có thời gian ngủ hoặc đọc kinh nhật tụng nhưng, theo thư ngài viết, ngài rất vui.

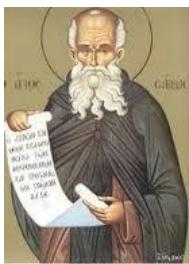
Ngài đến các đảo ở Malaysia, rồi sang Nhật. Ngài học tiếng Nhật đủ để giảng đơn giản với dân chúng, để hướng dẫn họ, rửa tội cho họ, và lập các hội truyền giáo. Ở Nhật, ngài muốn đến Trung quốc nhưng dự định này không bao giờ hiện thực vì ngài qua đời trước khi thỏa ước nguyện. Di hài ngài hiện nay còn ở Nhà thờ Chúa Giêsu Nhân lành tại Goa.

4/12 – Thánh Gioan Damascô, Giáo phụ (676?-749)

Đa số cuộc đời ngài ở tại tu viện Thánh Sabas, gần Giêrusalem. Ngài sinh tại Damascô, học thần học và cổ điển. Sau một thời gian, ngài vào dòng Thánh Sabas.

Ngài nổi tiếng về 3 lĩnh vực. Thứ nhất, bài trừ ngẫu tượng; thứ nhì, luận thuyết (Luận thuyết *Exposition of the Orthodox Faith* là bản tóm lược các giáo phụ Hy Lạp, và ngài là giáo phụ cuối cùng, và được coi là bộ Tổng luận Thần học của Đông phương); thứ ba, ngài là một trong các thi sĩ nổi tiếng của Giáo hội Đông phương. Ngài rất tôn sùng Đức Mẹ, các bài giảng

của ngài về Đức Mẹ đều rất nổi tiếng.



5/12 – Thánh Sabas, Ẩn tu (trước năm 439)

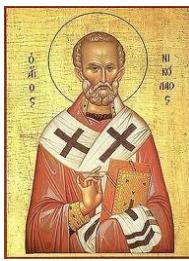
Ngài sinh tại Cappadocia (nay là Thổ Nhĩ Kỳ), là một trong các giáo phụ của Palestine và được coi là một trong những vị sáng lập đời sống tu trì Đông phương.

Tuổi thơ ngài không hạnh phúc, ngài bị lạm dụng và phải bỏ trốn vài lần, cuối cùng xin tị nạn trong một tu viện. Gia đình thuyết phục ngài trở về, nhưng ngài nhất quyết đi tu. Tuy còn trẻ nhưng ngài có tiếng nhân đức.

Lúc 18 tuổi, ngài đi Giêrusalem, tìm cách sống cô tịch. Ngài được coi là người hoàn toàn sống ẩn tu. Mới đầu ngài sống trong tu viện, ban ngày làm việc, ban đêm cầu nguyện. Lúc 30 tuổi, mỗi tuần ngài được phép sống 5 ngày trong một hang động hẻo lánh để cầu nguyện và đan rổ rá. Cố vấn của ngài là thánh Euthymio. Sau khi thánh Euthymio qua đời, thánh Sabas chuyển tới sa mạc gần Giêricô. Nàngi sống vài năm ở đây trong một hang động gần suối Cedron. Ngài ăn cỏ dại mọc trên đá. Thi thoảng có người đem cho ngài ít thực phẩm khác, còn nước uống phải đi khá xa mới có.

Khi đã ngoài 50 tuổi, ĐGM thuyết phục ngài chịu chức linh mục để phục vụ và lãnh đạo tu viện. Khi làm viện phụ của một cộng đoàn lớn, ngài cảm thấy mình có ơn gọi sống ẩn tu. Vào các mùa Chay, ngài đi xa một thời gian. Khi thấy nhà dòng gặp khó khăn, ngài giúp đỡ nhiều.

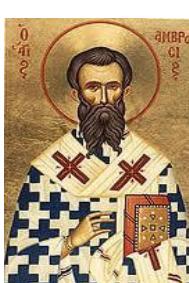
Ngài đi khắp Palestine, rao giảng đức tin và đem được nhiều người về với giáo hội. Lúc 91 tuổi, theo lời của giáo phụ Giêrusalem, ngài tới Constantinople. Ngài bị bệnh, ngay khi vừa trở về thì ngài qua đời tại tu viện ở Mar Saba. Ngày nay, tu viện này vẫn có các tu sĩ Chính thống giáo Đông phương sống ở đó.



6/12 – Thánh Nicôla, Giám mục Tiên sĩ (qua đời năm 350?)

Cả Giáo hội Đông phương và Tây phương đều tôn kính ngài. Sau Đức Mẹ, ngài là vị thánh được các họa sĩ Kitô giáo vẽ chân dung nhiều nhất. Theo lịch sử, ngài là giám mục GP Myra, thuộc Lycia, một tỉnh của Tiểu Á.

Có nhiều truyện về ngài đầy màu sắc xuyên suốt nhiều thế kỷ. Truyền nổi tiếng về ngài có thể liên quan đến bác ái đối với người nghèo, những người không thể cho con gái mình của hồi môn khi đến tuổi kết hôn. Không muốn thấy họ bị ép làm gái mại dâm, thánh Nicôla lấy vàng trao cho các bà mẹ để họ cho con gái làm của hồi môn đi lấy chồng. Qua nhiều thế kỷ, truyền thuyết này ảnh hưởng tập tục tặng quà nhau vào ngày lễ kính ngài. Tại các nước nói tiếng Anh, ngài được coi là Ông già Noel.



7/12 – Thánh Ambrôsiô, Giám mục Tiên sĩ (340?-397)

Một trong các nhà viết tiểu sử thánh Ambrôsiô cho rằng, vào ngày phán xét, người ta vẫn phân chia thành 2 phe: những người khâm phục ngài và những người không ưa ngài.

Khi Nữ hoàng Justina tìm cách lấy 2 giáo đường của Công giáo và trao cho những người theo tà thuyết Arian (*), ngài đã thách thức các quan triều đình xử tử ngài. Mọi người ủng hộ ngài ngay trước mặt quân lính. Trong cuộc bạo động, ngài vừa khuyến khích vừa trấn tĩnh dân chúng hát những bài thánh ca mới để mê hoặc họ với những giai điệu Tây phương.

Khi tranh luận với hoàng đế Auxentius, ngài nói: "Hoàng đế ở trong Giáo hội, chứ không ở trên Giáo hội". Ngài công khai khiển trách hoàng đế Theodosius vì đã sát hại 7.000 người vô tội. Hoàng đế đã ăn năn đền tội. Thánh Ambrôsiô là người chiến đấu, được sai tới Milan với tư cách thống đốc Rôma. Ngài gây ảnh hưởng và hoán cải thánh Augustinô.

Thánh Augustinô nhận thấy thánh Ambrôsiô có tài hùng biện hơn những người đương thời. Các bài giảng của thánh Ambrôsiô thường dẫn chứng gương mẫu của Cicero, tư tưởng của ngài đã ảnh hưởng các nhà tư tưởng và các triết gia đương thời. Ngài không ngại trích dẫn các tác giả ngoại giáo.

Các bài giảng, bài viết và đời sống của ngài cho thấy ngài là người khác thường có liên quan các vấn đề thời đó. Đối với ngài, nhân đạo là điều quan trọng.

Ảnh hưởng của thánh Ambrôsiô đối với thánh Augustinô rất nhiều. Cuốn Tự Thuật (Confessions) của thánh Augustinô cho thấy điều đó. Do đó mà thánh Monica yêu quý thánh Ambrôsiô như thiên thần của Chúa đã hoán cải con trai bà. Chính thánh Ambrôsiô đã đặt tay trên vai thánh Augustinô khi đến giêng rửa tội để gia nhập Công giáo.

(*) **Arianism:** Thuyết của Arius, thế kỷ IV, cho rằng chỉ có Thiên Chúa là bất biến và tự hữu, nhưng Ngôi Con không là Thiên Chúa mà chỉ là phàm nhân. Thuyết này từ chối thiên tính của Chúa Giêsu. Công đồng Nicaea (AD 325) đã kết án Arius và tuyên bố "Ngôi Con đồng bản thể với Đức Chúa Cha". Thuyết Arian được nhiều

người bảo vệ tiếp 50 năm sau, nhưng cuối cùng cũng sụp đổ khi các hoàng đế Kitô giáo của Rome Gratian và Theodosius lên ngôi. Công đồng Constantinople đầu tiên (năm 381) phê chuẩn Tín điều của Công đồng Nicê và cấm thuyết Arian. Tà thuyết này vẫn tiếp tục trong các bộ lạc ở Đức suốt thế kỷ VII, và các niềm tin tương tự được duy trì đến ngày nay bởi tổ chức Nhân chứng của Giavê (Jehovah's Witnesses) và bởi một số người theo thuyết Nhất Vi Luận (Unitarianism), tương tự Tam Vị Nhất Thể, tức là Một Chúa Ba Ngôi.



8/12 – Đức Mẹ Vô Nhiễm

Trong Giáo hội Đông phương, lễ Đức Mẹ được thụ thai có từ thế kỷ VII, truyền sang Tây phương hồi thế kỷ VIII. Thế kỷ XI, lễ này chính thức có tên là Vô nhiễm. Thế kỷ VIII, lễ này trở nên phổ biến trong Giáo hội hoàn vũ.

Các giáo phụ và các Tiến sĩ Giáo hội coi Đức Maria là vị thánh vĩ đại và thánh thiện nhất, nhưng vẫn cho rằng Đức Mẹ khó mà vô nhiễm tội truyền. Và rồi năm 1854, ĐGH Piô IX đã công bố tín điều Đức Mẹ Vô nhiễm. Thánh Bênadô và thánh Thomas Aquinas cũng không thể coi là sự biện hộ thần học đối với giáo huấn này.

Hai tu sĩ Phanxicô là William Ware và chân phước Gioan Duns Scotus đã giúp phát triển thần học này. Họ chỉ ra rằng ơn Vô nhiễm của Đức Maria làm nổi bật công cuộc cứu độ của Chúa Giêsu. Nhân loại được khỏi Nguyên tội khi lãnh nhận Bí tích Thánh tẩy. Ở Đức Maria, công việc của Chúa Giêsu rất mạnh để ngăn ngừa.



9/12 – Thánh Juan Diego, Thị nhân (1474-1548)

Hàng ngàn người quy tụ tại Nhà thờ Đức Mẹ Guadalupe ngày 31-7-2002 để tham dự lễ phong thánh cho thị nhân Juan Diego, người đã được Đức Mẹ hiện ra hồi thế kỷ XVI.

Chân phước GH Gioan Phaolô II đã gọi vị thánh này là người Ấn Độ giản dị và khiêm nhường, chấp nhận theo Kitô giáo nhưng không từ chối gốc Ấn Độ. Trong số hàng ngàn người tham dự có 64 nhóm người gốc Ấn Độ ở Mexico.

Mới đầu thánh nhân được gọi là Cuauhtlatohuac (Đại bàng biết nói), và tên ngài vĩnh viễn được gắn liền với Đức Mẹ Guadalupe (Đức Mẹ Hoa Hồng, lễ kính ngày 12-12) vì ngài được Đức Mẹ hiện ra tại đồi Tepeyac ngày 9-12-1531. Ngài cho biết những hoa hồng gom từ vạt áo đã hóa thành Đức Mẹ Guadalupe.

Trong chuyến thăm mục vụ tới Mexico năm 1990, chân phước GH Gioan Phaolô II đã phong chân phước cho thị nhân Juan Diego, và được phong hiển thánh 12 năm sau.



10/12 – Chân phước Adolph Kolping, Linh mục (1813-1865)

Hồi thế kỷ XIX, tại Đức nổi lên hệ thống nhà máy đã thu hút nhiều người tuôn về các thành phố, và họ gặp những thử thách mới đối với đức tin. LM Adolph Kolping là người hướng dẫn mục vụ cho họ, hy vọng họ không bị mất đức tin Công giáo như đã xảy ra với nhiều công nhân khác ở Âu châu được công nghiệp hóa.

Ngài sinh tại làng Kerpen, làm thợ đóng giày vì gia đình khó khăn. Sau đó ngài đi tu và thụ phong linh mục năm 1845, ngài hướng dẫn các công nhân trẻ ở Cologne, thành lập ca đoàn, năm 1849 hội này phát triển thành Hội Công nhân Trẻ (Young Workmen's Society), một chi nhánh của hội này bắt đầu tại St. Louis, Missouri, năm 1856. Sau 9 năm, có hơn 400

Gesellenvereine (công đoàn) được thành lập trên khắp thế giới. Ngày nay nhóm này có hơn 400.000 thành viên ở 54 quốc gia.

Thường được gọi là Hội Khôi Bình (Kolping Society – quen gọi là Gia Đình Khôi Bình), chú trọng việc thánh hóa đời sống gia đình và chân giá trị của việc lao động. LM Kolping hoạt động để cải thiện điều kiện sống cho công nhân. Ngài và thánh Gioan Bosco ở Turin đều quan tâm làm việc với giới trẻ. Ngài nói với những người theo ngài: "Như cầu của thời đại sẽ dạy các bạn biết phải làm gì. Điều đầu tiên tìm được trong cuộc sống và điều cuối cùng cần giữ là đời sống gia đình, đó là điều quý giá nhất mà người ta không nhận ra".

Ngài và chân phước Gioan Duns Scotus được an táng tại Minoritenkirche, thuộc Cologne. Cơ quan điều hành Hội Khôi Bình quốc tế đặt tại đây. Các thánh viên Khôi Bình đã tới Rôma từ Âu châu, Mỹ châu, Phi châu, Á châu và Úc châu để dự lễ phong chân phước cho LM Kolping năm 1991, dịp kỷ niệm 100 năm Tông thư *Rerum Novarum* (Tân Sự, nói về trật tự xã hội) của ĐGH Leo XIII. LM Kolping cũng có công góp phần chuẩn bị cho tông thư đầy tính cách mạng xã hội này.



11/12 – Thánh Damasô I, Giáo hoàng (305?-384)

Đối với thư ký của ngài là thánh Giêrônimô, thánh Damasô là “người vô song, hiểu biết Kinh thánh, tiến sĩ Giáo hội, yêu quý đức khiết tịnh”.

Thánh Damasô hiếm khi nghe những lời khen như vậy. Ngài đấu tranh với chính trị, các tà thuyết, không được lòng các giám mục và Giáo hội Đông phương muốn phá triều đại giáo hoàng của ngài.

Ngài là con của một linh mục Công giáo La Mã, có thể là người Tây Ban Nha, ngài bắt đầu với cương vị phó tế tại nhà thờ của người cha, rồi làm linh mục ở một nơi mà sau đó là đền thờ San Lorenzo (Thánh Lôrensô) ở Rôma. Ngài phục vụ giáo hoàng Liberiô (352-366) và theo ngài đi đày.

Khi ĐGH Liberiô qua đời, thánh Damasô được chọn làm giám mục thành Rôma, nhưng ít người bầu và tấn phong phó tế Ursinô làm giáo hoàng. Cuộc tranh luận giữa thánh Damasô và ngụy giáo hoàng (antipope) nổ ra chiến tranh dữ dội giữa 2 giáo đường, xúc phạm đến các giám mục Ý. Tại công nghị, thánh Damasô kêu gọi mọi người chấp nhận hành động của ngài nhân dịp sinh nhật. Các giám mục trả lời: *"Chúng tôi quy tụ đến đây vì sinh nhật của ngài, chứ không kết án một người chưa biết"*. Những người ủng hộ ngụy giáo hoàng còn kết án ngài phạm trọng tội – có thể liên quan tình dục – cuối năm 378. Ngài phải tự thanh minh trước tòa án dân sự và công nghị giáo hội.

Khi làm giáo hoàng, ngài sống giản dị, tương phản với các giáo sĩ Rôma, và ngài cương quyết tố cáo và chống lại tà thuyết Arian (*) và các tà thuyết khác. Sự hiểu sai về thuật ngữ Tam vị Nhất thể (Chúa Ba Ngôi) của Rôma đã đe dọa mỗi giao hảo với Giáo hội Đông phương, ĐGH Damasô là người tương đối thành công trong việc xử lý tình huống này.

Trong triều đại giáo hoàng của ngài, Kitô giáo được công bố là tôn giáo chính của quốc gia Rôma (năm 380), và tiếng Latin là ngôn ngữ phụng vụ. Nngài khuyến khích thánh Giêrônimô nghiên cứu Kinh thánh nên mới có bản Vulgate (bản phổ thông), bản dịch Kinh thánh bằng tiếng Latin được Công đồng Trentô (12 thế kỷ sau) tuyên bố là “xác thực khi đọc chung, khi thảo luận và giảng dạy”.

(*) **Arianism:** *Thuyết của Arius, thế kỷ IV, cho rằng chỉ có Thiên Chúa là bất biến và tự hữu, nhưng Ngôi Con không là Thiên Chúa mà chỉ là phàm nhân. Thuyết này từ chối thiên tính của Chúa Giêsu. Công đồng Nicaea (AD 325) đã kết án Arius và tuyên bố "Ngôi Con đồng bản thể với Đức Chúa Cha". Thuyết Arian được nhiều người bảo vệ tiếp 50 năm sau, nhưng cuối cùng cũng sụp đổ khi các hoàng đế Kitô giáo của Rome Gratian và Theodosius lên ngôi. Công đồng Constantinople đầu tiên (năm 381) phê chuẩn Tín điều của Công đồng Nicê và cấm thuyết Arian. Tà thuyết này vẫn tiếp tục trong các bộ lạc ở Đức suốt thế kỷ VII, và các niềm tin tương tự được duy trì đến ngày nay bởi tổ chức Nhân chứng của Giavê (Jehovah's Witnesses) và bởi một số người theo thuyết Nhất Vi Luận (Unitarianism), tương tự Tam Vị Nhất Thể, tức là Một Chúa Ba Ngôi.*



12/12 – Đức Mẹ Guadalupe (Đức Mẹ Hoa Hồng)

Thế kỷ XVI, một người Ấn Độ nghèo tên là Cuauhtlatoahuac được rửa tội nên có tên là Juan Diego. Ông là một người góa vợ, 57 tuổi, sống ở một ngôi làng nhỏ gần TP Mexico. Sáng Chúa nhật ngày 9-12-1531, ông đã được Đức Mẹ hiện ra trên đường đi dự lễ.

Khi ông đi bộ ngang qua đồi Tepeyac thì ông nghe tiếng nhạc hay như tiếng chim líu lo. Một đám mây sáng xuất hiện có một cô gái Mỹ mặc áo dài như công chúa Aztec. Đức Mẹ nói với ông bằng tiếng Ấn Độ và bảo ông đến gặp ĐGM Juan de Zumarraga, Dòng Phanxicô, GP Mexicô. ĐGM liền cho xây một nhà nguyện ngay tại nơi Đức Mẹ hiện ra.

ĐGM nói với ông Juan Diego xin Đức Mẹ cho một dấu hiệu. Lúc đó, người chú của Juan Diego bệnh nặng nên ông tránh gặp Đức Mẹ. Đức Mẹ bảo đảm với ông rằng người chú sẽ khỏi bệnh và trao những bông hồng cho ông đựng vào vạt áo để đem về cho ĐGM.

Trước mặt ĐGM, ông mở vạt áo ra, những đóa hồng rơi xuống đất và bao quanh chân ông và tạo thành hình Đức Mẹ như ông đã nhìn thấy ở đồi Tepeyac. Đó là ngày 12-12-1531.

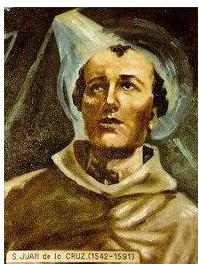


13/12 – Thánh Lucia, Trinh nữ Tử đạo (qua đời năm 304)

Bạn bè của thánh nhân thắc mắc về sự can trường của Lucia. Có lần một người thợ mộc bị lính La Mã đóng đinh, Lucia tin rằng người đàn ông này sống lại. Người thợ mộc đó là Đức Giêsu Kitô. Nước Trời đã tạo dấu ấn sâu đậm trong lòng Lucia với những lời nói và việc làm của Chúa Giêsu. Để thể hiện niềm tin, Lucia đã khấn giữ đồng trinh.

Trinh khiết trước hôn nhân là lý tưởng La Mã cổ, hiếm thấy nhưng không bị kết án. Lucia biết rõ tính anh hùng của các vị tử đạo trinh khiết nên luôn trung thành và sống theo gương của người thợ mộc Giêsu, Con Thiên Chúa.

Hồi đó, Lucia là cô gái xinh đẹp, có người nói yêu đôi mắt đẹp của Lucia, thế là thánh nhân mọc mắt mình cho người đó vì muốn giữ mình trọn đời đồng trinh vì Nước Trời. Thánh Lucia là bỗn mạng của những người mù và khiếm thị.



14/12 – Thánh Gioan Thánh giá, Linh mục Tiền sĩ (1541-1591)

Cuộc đời ngài là chuỗi nỗ lực anh dũng. Sự điên rồ của thập giá được ngài nhận biết: "Ai muốn theo Tôi, hãy vác thập giá mà theo Tôi" (Mc 8:34). Mẫu nhiệm Vượt qua khiến ngài được coi là nhà cải cách, thi sĩ thần bí và thần học gia.

Ngài là tu sĩ Dòng Camêlô và thụ phong linh mục năm 1567, lúc 25 tuổi. Ngài gặp thánh Teresa Avila và yêu thích luật Dòng Camêlô. Ngài cùng thánh Teresa cải cách dù bị chống đối, bị hiểu lầm, bị hành hạ, bị tù đày. Ngài nhận biết Thánh giá là chính xác. Ngài trải nghiệm cái chết của Chúa Giêsu khi ngài ngồi trong bóng tối hết tháng này qua tháng khác tại một phòng nhỏ hẹp, ẩm thấp, và chỉ cầu nguyện với Chúa. Có nhiều thi sĩ, nhiều nhà thần bí, nhưng ngài là thi sĩ thần bí.

Cả đời ngài sống Mẫu nhiệm Thánh giá. Ngài qua đời lúc 49 tuổi – cuộc đời ngắn ngủi nhưng viên mãn.

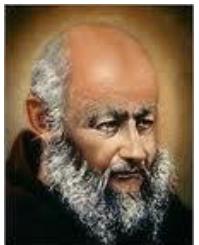


15/12 – Chân phước Maria Frances Schervier, Trinh nữ (1819-1876)

Bà sinh trong một gia đình đàng hoàng ở Aachen (lúc đó do Prussia cai trị, trước đó là Aix-la-Chapelle của Pháp). Bà chăm lo gia đình sau khi người mẹ qua đời và có tiếng là thương người nghèo. Năm 1844, bà vào Dòng Phanxicô. Năm 1845, bà và 4 người bạn lập dòng chăm sóc bệnh nhân và người già. Năm 1851, Dòng Tiểu muội Người nghèo Thánh Phanxicô (một trong các tên gốc) được giám mục phê chuẩn, cộng đoàn này phát triển rất nhanh. Cơ sở đầu tiên thành lập tại Hoa Kỳ năm 1858.

Bà đến Hoa Kỳ năm 1863 và giúp các chị em chăm sóc các thương binh trong cuộc nội chiến. Bà lại đến Hoa Kỳ năm 1868. Bà đã khuyến khích khi Philip Hoover chuẩn bị thành lập Dòng Huynh đệ Người nghèo của Thánh Phanxicô.

Khi bà qua đời, có 2.500 thành viên trên khắp thế giới. Họ tham gia mở các bệnh viện và Nhà dưỡng lão. Bà được phong chân phước năm 1974.



16/12 – Chân phước Honoratus Kozminski (1825-1916)

Ngài sinh tại Biala Podlaska (Siedlce, Ba Lan), học kiến trúc tại Trường Nghệ Thuật ở Warsaw. Khi ngài gần 16 tuổi thì mồ côi cha. Bị nghi ngờ tham gia nổi loạn, ngài bị tù từ tháng 4-1846 tới tháng 3-1847. Năm 1848, ngài vào Dòng Phanxicô. Sau 4 năm, ngài được thụ phong linh mục. Năm 1855, ngài giúp chân phước Maria Angela Truszkowska thành lập Dòng nữ Felicia. Ngài làm người gác cổng ở tu viện Warsaw năm 1860. Ngài tận tụy rao giảng, linh hướng và giải tội, đồng thời tích cực làm việc với Dòng Ba Phanxicô.

Cuộc nổi dậy chống Nga hoàng Alexander III năm 1864 thất bại dẫn đến cuộc đàn áp các nhà dòng ở Ba Lan. Các tu sĩ Dòng Phanxicô bị trục xuất khỏi Warsaw và phải đến sống tại Zakroczymsk, tại đây ngài tiếp tục sứ vụ và bắt đầu thành lập 26 dòng nam và nữ. Các tu sĩ khẩn nhưng không mặc áo dòng và không sống chung, họ hoạt động như các tu hội đời ngày nay. Có 17 nhóm vẫn còn là hội dòng ngày nay.

Các tài liệu viết của ngài gồm 42 cuốn bài giảng, 21 cuốn tập hợp các thư, có tới 52 tác phẩm về thần học khổ hạnh (ascetical theology), về lòng sùng kính Đức Mẹ Maria, về lịch sử, về mục vụ – không kể nhiều tài liệu về các hội dòng ngài đã thành lập.

Năm 1906, nhiều giám mục muốn tái tổ chức các nhóm này dưới quyền mình (sic!), nhưng chân phước Honoratus cương quyết giữ độc lập, nhưng ngài vẫn thúc giục các hội dòng vẫn vâng lời giáo hội.

Một người đương thời nói: "Ngài luôn bước đi với Chúa". Năm 1895, ngài được bổ nhiệm làm Tổng đại diện (Commissary General) Dòng Phanxicô ở Ba Lan. Ngài tới Nowe Miasto, rồi qua đời và an táng tại đây. Ngài được chân phước GH Gioan Phaolô II phong chân phước năm 1988.



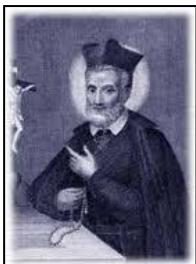
17/12 – Thánh Ladarô

Ladarô là bạn của Chúa Giêsu, em trai của Matta và Maria, là người được Chúa Giêsu quý mến và được Ngài cho sống lại sau khi đã chết ba ngày.

Người ta cho rằng ngài đã viết lại những gì ngài thấy ở kiếp sau khi ngài được Chúa Giêsu cho sống lại. Một số người nói ngài theo thánh Phêrô tới Syria. Có người nói ngài và 2 người chí đến sống ở Cyprus. Tại đây, ngài qua đời lần thứ hai sau khi làm giám mục 30 năm.

Một nhà thờ được xây dựng dâng kính ngài ở Constantinople và một ít thánh tích của ngài được chuyển về đó năm 890. Truyền thuyết Tây phuong nói ngài tới Gaul, làm giám mục ở Marseilles, chịu tử đạo sau khi hoán cải một số người và ngài được an táng trong một hang động. Di hài ngài được chuyển về Autun năm 1146.

Khoảng năm 390, một phụ nữ hành hương tên Etheria nói chuyện với đoàn người hành hương vào thứ Bảy trước lễ Lá tại ngôi mộ mà thánh Ladarô sống lại. Ở Tây phuong, Chúa nhật lễ Lá được gọi là Dominica de Lazaro. Thánh Augustinô cho chúng ta biết rằng ở Phi châu, Phúc âm về việc sống lại của Ladarô được đọc trong thánh lễ Chúa nhật lễ Lá.



18/12 – Chân phước Antôn Grassi, Linh mục (1592-1671)

Cha ngài qua đời khi ngài mới 10 tuổi, nhưng ngài thừa hưởng lòng sùng kính Đức Mẹ Loreto từ người cha. Hồi nhỏ, ngài thường tới nhà thờ cầu nguyện và vào dòng lúc 17 tuổi.

Khi là sinh viên ngành mỹ nghệ, ngài có tiếng trong dòng là "tự điển sống" vì hiểu Kinh thánh và thần học rất nhanh. Một thời gian ngài khổ sở vì lưỡng lự, nhưng ngài thoát khỏi từ lúc ngài dâng thánh lễ đầu tiên. Từ đó, ngài sống bình an.

Năm 1621, lúc 29 tuổi, ngài bị sét đánh khi đang cầu nguyện trong nhà thờ Đức Mẹ Loreto, ai cũng nghĩ ngài không thể sống nổi. Nhưng vài ngày sau, ngài hồi phục và nhận ra rằng ngài hết bị chứng khó tiêu. Người ta đem quần áo bị cháy sém của ngài dâng cho Đức Mẹ Loreto để tạ ơn. Quan trọng là ngài cảm thấy cuộc đời mình hoàn toàn thuộc về Chúa. Năm nào ngài cũng hành hương tới Loreto để tạ ơn Đức Mẹ.

Ngài chú ý lắng nghe hối nhân khi ngài giải tội, nói vài lời và khuyên làm việc доб做好事, ngài nói bằng chính tiếng nói của lương tâm. Năm 1635, ngài được bầu làm bê trên Dòng Fermo Oratory. Nhiệm kỳ 3 năm, nhưng lần nào ngài cũng tái đắc cử cho đến khi ngài qua đời. Ngài là người trầm lặng, dịu dàng, không hề nghiêm khắc. Ngài luôn khuyên mọi người sống như vậy.

Khi lớn tuổi, ngài có khả năng biết về tương lai, ngài thường dùng khả năng này để cảnh báo hoặc khuyên nhủ người khác. Nhưng ngài cũng gặp thử thách. Ngài khó giảng vì bị mất mẩy cái răng, rồi ngài không giải tội nữa vì yếu sức, chỉ quanh quẩn trong phòng. Đức TGM hàng ngày đến trao Mình Thánh cho ngài. Một trong những hành động cuối cùng của ngài là hòa giải được 2 người đối lập nhau dữ dội.



19/20 – Chân phước Urbanô V, Giáo hoàng (1310-1370)

Ngài đắc cử giáo hội năm 1362. Khi các hồng y không thể tìm được người cho vị trí quan trọng này, họ quay ra chú ý một "người lạ": Thánh thiện và đáng kính.

ĐGH Urban V đã chứng tỏ họ chọn lựa đúng. Ngài là tu sĩ Dòng Biển Đức và là nhà giáo luật, sống tâm linh và thông minh. Ngài khiêm nhường và giản dị, điều đó khiến ngài luôn được nhiều người quý mến. Ngài cương quyết cải cách Giáo hội và các dòng tu. Triều đại GH của ngài kéo dài 8 năm, nhưng có một thời gian ngài phải ở Avignon (Pháp). Hoàn cảnh khó khăn nên ngài không đạt được những mục đích cao nhất trong việc tái nối kết Giáo hội Đông phuong và Tây phuong.

Với cương vị giáo hội, ngài tiếp tục sống tu luật Biển Đức. Trước khi qua đời năm 1370, ngài xin được rời dinh thự giáo hoàng về sống với người em trai để có thể từ biệt những người bình thường mà ngài đã giúp đỡ.



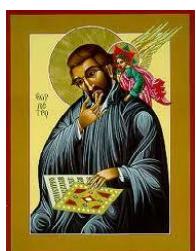
20/12 – Thánh Đa Minh Silos, Linh mục (khoảng năm 1000-1073)

Ngài không là người sáng lập Dòng Đa Minh, nhưng có chuyện liên quan kỲ LẠ.

Ngài sinh tại Tây Ban Nha khoảng năm 1000 trong một gia đình nông dân. Hồi nhỏ ngài phải lao động ngoài đồng ruộng, nên ngài sống âm thầm. Ngài tu Dòng Biển Đức và thụ phong linh mục, rồi giữ nhiều chức vụ lãnh đạo. Sau khi tranh chấp với nhà vua về tài sản, ngài và 2 tu sĩ khác bị đi đày. Rồi họ lập dòng mới. Dưới sự lãnh đạo của ngài, dòng này trở nên nổi tiếng tại Tây Ban Nha, nhiều người được chữa lành.

Khoảng 100 năm sau khi ngài qua đời, một phụ nữ trẻ hành hương tới mộ ngài. Ngài đã hiện ra với phụ nữ này và đoán chắc chị sẽ sinh con trai. Phụ nữ này tên là Joan Aza, con trai của phụ nữ này sinh ra và trưởng thành, thanh niên này tên là Đa Minh (Dominic) – người sáng lập Dòng Đa Minh như chúng ta thấy ngày nay.

Sau nhiều năm, di hài thánh Đa Minh Silos được đưa về hoàng cung bất kỳ lần nào Nữ hoàng Tây Ban Nha trở dạ sinh con. Việc này kết thúc năm 1931.



21/12 – Thánh Phêrô Canisiô, Linh mục Tiến sĩ (1521-1597)

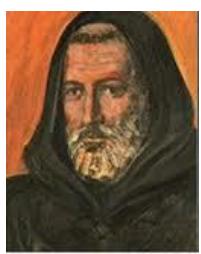
Ngài là người đa tài, sống gương mẫu và phát triển tài năng theo Kinh thánh vì Chúa. Ngài là nhân vật quan trọng trong thời Cải cách ở Đức, giữ vai trò chính và thường được gọi là “vị tông đồ thứ hai của Đức” so với thánh Boniface.

Lúc 19 tuổi, ngài có bằng đại học của ĐH Cologne. Không lâu sau ngài gặp Peter Faber, đệ tử đầu tiên của thánh Inhaxiô Loyola, và cuộc đời ngài đã thay đổi từ khi vào Dòng Tân.

Ngài thụ phong linh mục năm 1546, và nổi tiếng với những bài viết về thánh Cyril Alexandria và thánh Leo Cả. Ngoài ra ngài còn thích làm việc tông đồ, thăm viếng các tù nhân và các bệnh nhân.

Năm 1547, ngài dự vài khóa họp Công đồng Trentô. Ngài dạy tại vài trường đại học, cùng thành lập nhiều đại học và chủng viện. Ngài viết sách giáo lý giải thích về đức tin Công giáo theo cách mà người thường có thể hiểu được – thời đó rất cần cách đó.

Ngài có tiếng về giảng thuyết, và khéo hòa giải các giáo phái. Ngài còn **viết những lá thư phê bình các vị lãnh đạo Giáo hội** – nhưng có cách nói yêu thương và cảm thông. Lúc 70 tuổi, ngài bị đột quỵ, nhưng vẫn rao giảng và viết lách cho tới khi qua đời tại Nijmegen (Ba Lan) ngày 21-12-1597.



22/12 – Chân phước Jacopone da Todi (qua đời năm 1306)

Ngài sinh trong gia đình Benedetti quý tộc ở TP Todi, Bắc Ý. Ngài là luật sư và kết hôn với Vanna, một phụ nữ đạo hạnh và đại lượng. Vanna đã giúp chồng ăn năn đền tội. Có lần Vanna năn nỉ Jacopone tham gia thi đấu công khai. Vanna ngồi chung với các phụ nữ quý tộc khác và khán dài bị sụp. Vanna bị chết. Jacopone buồn lắm, nhất là khi biết vợ đeo thắt lưng để đền tội cho chồng. Từ đó, Jacopone quyết thay đổi cuộc đời.

Ngài phân phát tài sản cho người nghèo và vào Dòng Ba Phanxicô, ăn năn đền tội nghiêm ngặt. Ngài viết nhiều bài thánh ca (hymn) nổi tiếng bằng phương ngữ.

Lúc 68 tuổi, ngài bị vạ tuyệt thông và bị tù, dù ngài biết mình vô tội. Mãi 5 năm sau, thời ĐGH Bênêđictô XI, ngài mới được giải vạ. Ngài coi cảnh tù đày như việc đền tội. Trong thời gian đó ngài viết bài thánh ca Stabat Mater bằng tiếng Latin nổi tiếng.

Ngày 24-12-1306, ngài cảm thấy cái chết gần kề. Lúc đó ngài ở trong Dòng Thánh Clara khó nghèo với một người bạn là chân phước Gioan La Verna. Cũng như thánh Phanxicô, chân phước Jacopone chào đón “Chị Chết” bằng một bài thánh ca nổi tiếng của ngài khi người ta đang dự thánh lễ nữa đêm Giáng sinh.



23/12 – Thánh Gioan Kanty, Linh mục (1390?-1473)

Sau khi học xong đại học ở Kraków, Ba Lan, ngài thụ phong linh mục và là giáo sư thần học. Có nhiều người ganh ghét nên ngài phải đi giữ xứ ở Olkusz. Ngài sống khiêm nhường và cố gắng, nhưng vẫn không được lòng giáo dân. Nhưng cuối cùng ngài đã khiến họ tâm phục khẩu phục. Sau một thời gian, ngài trở lại Kraków và dạy Kinh thánh cho đến hết đời.

Ngài thương người nghèo, ngài dành tiền bạc và thời gian cho họ. Ngài ít ngủ, nằm trên nền nhà, ăn ít, không ăn thịt. Ngài hành hương tới Giêrusalem và Rôma. Được cảnh báo về sức khỏe nhưng ngài vẫn sống khổ hạnh.



24/12 – Giáng sinh tại Greccio

Theo truyền thuyết, chính thánh Phanxicô Assisi đã làm hang đá đầu tiên tại Greccio, thuộc Trung Ý, năm 1223.

Thánh Phanxicô nhớ lần tới Belem vài năm trước đó, nên ngài quyết định làm hang đá, đó là hang Greccio. Ngài tìm một đứa bé, một con bò và một con lừa đứng gần bên máng cỏ. Người ta nghe nói và kéo đến, người thì cầm đuốc, người thì cầm nến. Chính thánh Phanxicô giảng trong thánh lễ đêm đó.

Thomas of Celano, người viết tiểu sử thánh Phanxicô, nói rằng thánh Phanxicô “đứng trước máng cỏ... với lòng yêu thương và niềm hạnh phúc vô cùng...” Với thánh Phanxicô, mừng lễ giàn dí là nhớ lại cảnh khó nghèo của Chúa Giêsu Hài Đồng, Đấng cứu độ đã làm người nghèo vì chúng ta, một Giêsu làm người thực sự.

Đêm nay, khi cầu nguyện bên hang đá, chúng ta hãy cảm tạ Lòng Thương Xót của Chúa và hãy nhớ đến những người nghèo và những người đau khổ trên khắp thế giới...



25/12 – Đại lễ Giáng sinh

Hôm nay Giáo hội tập trung vào Vương Nhi Giêsu, Thiên Chúa làm người, để chúng ta được hạnh phúc, bình an và hy vọng. Bên Bé Giêsu có Cha Mẹ Ngài là Đức Mẹ

Maria và Đức Thánh Giuse, có cả những mục đồng đại diện cho giới lao động nghèo khổ.

Ngày Con Chúa giáng trần làm người, đất trời được giao hòa, nhân phẩm nhân loại được phục hồi. Thật hạnh phúc biết bao khi những tội nhân chúng ta được trắc ánh và được trở thành con cái của Thiên Chúa, đó là mầu nhiệm đức tin. Hãy mở rộng lòng yêu thương để đón tiếp nhau chân thành:

*Vinh danh Thiên Chúa trên trời
Bình an dưới thế cho người thiện tâm*

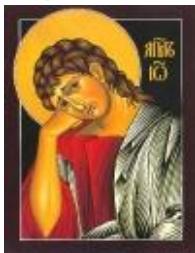


26/12 – Thánh Stêphanô, Tử đạo tiên khởi (qua đời năm 36 ?)

Những gì chúng ta biết về thánh Stêphanô được tìm thấy trong sách Công vụ Tông đồ, chương 6 và 7, dù để chúng ta biết ngài là con người thế nào: "Thời đó, khi số môn đệ thêm đông, thì các tín hữu Do Thái theo văn hóa Hy Lạp kêu trách những tín hữu Do Thái bản xứ, vì trong việc phân phát lương thực hằng ngày, các bà goá trong nhóm họ bị bỏ quên. Bởi thế, Nhóm Mười Hai triệu tập toàn thể các môn đệ và nói: "Chúng tôi mà bỏ việc rao giảng Lời Thiên Chúa để lo việc ăn uống, là điều không phải. Vậy, thưa anh em, anh em hãy tìm trong cộng đoàn bảy người được tiếng tốt, đây Thần Khí và khôn ngoan, rồi chúng tôi sẽ cất đặt họ làm công việc đó. Còn chúng tôi, chúng tôi sẽ chuyên lo cầu nguyện và phục vụ Lời Thiên Chúa". Đề nghị trên được mọi người tán thành. Họ chọn ông Stêphanô, một người đầy lòng tin và đầy Thánh Thần, cùng với các ông Philípphê, Pôrôkhôrô, Nicanô, Timôn, Pácmêna và ông Nicôla, một người ngoại quê Antiokhia đã theo đạo Do Thái. Ông Stêphanô được đầy ân sủng và quyền năng, đã làm những điều thiêng dẫu lịn lao trong dân. Có những người thuộc hội đường gọi là hội đường của nhóm nô lệ được giải phóng, gốc Kyrêne và Alêxanria, cùng với một số người gốc Kilikia và Axia, đứng lên tranh luận với ông Stêphanô. Nhưng họ không địch nổi lời lẽ khôn ngoan mà Thần Khí đã ban cho ông." Bấy giờ, họ mới xui mấy người phao lên rằng: "Chúng tôi đã nghe hắn nói lồng ngôn xúc phạm đến ông Môsê và Thiên Chúa". Họ sáu động dân và các kỳ mục cùng kinh sư, rồi ập đến bắt ông và điều đến Thượng Hội Đồng. Họ đưa mấy người chứng gian ra khai rằng: "Tên này không ngừng nói những lời phạm đến Nơi Thánh và Lề Luật. Vì chúng tôi đã nghe hắn nói rằng Giêsu người Nadarét sẽ phá huỷ nơi này và thay đổi những tục lệ mà ông Môsê đã truyền lại cho chúng ta". Toàn thể cử toạ trong Thượng Hội Đồng đều nhìn thẳng vào ông Stêphanô, và họ thấy mặt ông giống như mặt thiên sứ" (Cv 6:1-5, 8-15).

Chỗ khác, sách Công vụ cho biết: "Được đầy ơn Thánh Thần, ông đầm đầm nhìn trời, thấy vinh quang Thiên Chúa, và thấy Đức Giêsu đứng bên hữu Thiên Chúa. Ông nói: "Kia, tôi thấy trời mở ra, và Con Người đứng bên hữu Thiên Chúa". Họ liền kêu lớn tiếng, bịt tai lại và nhất tề xông vào ông rồi lôi ra ngoài thành mà ném đá. Các nhân chứng để áo mình dưới chân một thanh niên tên là Saolô. Họ ném đá ông Stêphanô, đang lúc ông cầu xin rằng: "Lạy Chúa Giêsu, xin nhận lấy hồn con". Rồi ông quỳ gối xuống, kêu lớn tiếng: "Lạy Chúa, xin đừng chấp họ tội này". Nói thế rồi, ông an nghỉ" (Cv 7:55-60).

27/12 – Thánh sứ Gioan, Tông đồ



Thiên Chúa kêu gọi, con người đáp lại. Ông gọi của thánh Gioan và người anh Giacôbê được mô tả sơ sài trong Phúc âm, cùng với thánh Phêrô và người anh Anrê: "Đi một quãng nữa, Người thấy hai anh em khác con ông Dêbêđê, là ông Giacôbê và người em là ông Gioan. Hai ông này đang cùng với cha là ông Dê-bê-đê vâ lươi ở trong thuyền. Người gọi các ông. Lập tức, các ông bỏ thuyền, bỏ cha lại mà theo Người" (Mt 4:21-22).

Thánh Gioan gọi mình là "người môn đệ được Chúa yêu" (x. Ga 13:23; 19:26; 20:2), the one who reclined next to Jesus at the Last Supper, and the one to whom he gave the exquisite honor, as he stood beneath the cross, of caring for his mother. Khi thấy thân mẫu và môn đệ mình thương mến đứng bên cạnh, Đức Giêsu nói với thân mẫu: "Thưa Mẹ, đây là con của Mẹ". Rồi Người nói với môn đệ: "Đây là mẹ của anh". Kể từ giờ đó, người môn đệ rước bà về nhà mình (Ga 19:26-27).

Theo chiêm sâu Phúc âm, thánh Gioan thường được coi là "chim đại bàng của thần học", bay trên vùng cao mà các thánh sứ khác không có. Chúa Giêsu gọi hai anh em thánh Gioan là "con của sấm sét". Khó giải thích chính xác nhưng có 2 gợi ý.

Thứ nhất, theo thánh Matthêu, mẹ của các ngài xin cho 2 con ngồi bên phải và bên trái Chúa trong Vương quốc của Chúa Giêsu. "Đức Giêsu bảo: "Các người không biết các người xin gì! Các người có uống nổi chén Thầy sắp uống không?" Họ đáp: "Thưa uống nổi". Đức Giêsu bảo: "Chén của Thầy, các người sẽ uống; còn việc ngồi bên hữu hay bên tả Thầy, thì Thầy không có quyền cho, nhưng Cha Thầy đã chuẩn bị cho ai, thì kẻ ấy mới được. Đức Giêsu gọi các ông lại và nói: "Anh em biết rằng thủ lãnh các dân thì dùng uy mà thống trị dân, những người làm lớn thì lấy quyền mà cai quản dân. Giữa anh em thì không được như vậy: Ai muốn làm lớn giữa anh em, thì phải làm người phục vụ anh em. Và ai muốn làm đầu anh em thì phải làm đầy tớ anh em. Cũng như

Con Người đến không phải để được người ta phục vụ, nhưng là để phục vụ và hiến dâng mạng sống làm giá chuộc muôn người” (Mt 20:22-24, 27-28).

Lần khác, “Đức Giêsu nhất quyết đi lên Giêrusalem. Người sai mấy sứ giả đi trước. Họ lén đường và vào một làng người Samari để chuẩn bị cho Người đến. Nhưng dân làng không đón tiếp Người, vì Người đang đi về hướng Giêrusalem. Thấy thế, hai môn đệ Người là ông Giacôbê và ông Gioan nói rằng: “Thưa Thầy, Thầy có muốn chúng con khiến lửa từ trời xuống thiêu huỷ chúng nó không?” Nhưng Đức Giêsu quay lại quở mắng các ông” (x. Lc 9:51-55).

Dịp lễ Phục sinh, Maria Mađalêna “đi đến mộ, thì thấy tảng đá đã lăn khỏi mộ, rồi vội báo cho các môn đệ”. Ông Phêrô và môn đệ kia liền đi ra mộ. Cả hai người cùng chạy. Nhưng môn đệ kia chạy mau hơn ông Phêrô và đã tới mộ trước. Ông cúi xuống và nhìn thấy những băng vải còn ở đó, nhưng không vào. Ông Simôn Phêrô theo sau cũng đến nơi. Ông vào thẳng trong mộ, thấy những băng vải để ở đó (Ga 20:2-6). Thánh Gioan “đã thấy và đã tin” (Ga 20:8).

Gioan và Phêrô bị bắt và bị tống ngục, “nhưng trong đám người nghe lời giảng, có nhiều kẻ đã tin theo, chỉ riêng số đàn ông đã lên đến chừng năm ngàn” (Cv 4:13).

Thánh Gioan đã viết Phúc âm “khác” nhất so với các Phúc âm nhất lăm, các thư và sách Khải huyền. Ngài đã thấy Chúa Giêsu vinh quang trong các biến cố cuộc đời. Trong Bữa Tiệc Ly, thánh Gioan còn được tựa đầu vào ngực Chúa Giêsu. Phúc âm theo thánh Gioan là vinh quang của Chúa Giêsu.



28/12 – Các thánh Anh hùng

Hêrôđê là vua Giudea, ông sợ người khác “đụng chạm” đến ngai vàng của mình. Ông là một chính khách bậc thầy và là một bạo chúa thâm độc. Ông đã giết vợ, giết người anh em và chồng của em gái.

Mt 2:1-18 kể chuyện này: *Khi Đức Giêsu ra đời tại Bêlem, miền Giudea, thời vua Hêrôđê trị vì, có mấy nhà chiêm tinh từ phương Đông đến Giêrusalem, và hỏi: “Đức Vua dân Do Thái mới sinh, hiện ở đâu? Chúng tôi đã thấy vì sao của Người xuất hiện bên phương Đông, nên chúng tôi đến bái lạy Người. Nghe tin ấy, vua Hêrôđê bối rối, và cả thành Giêrusalem cũng xôn xao. Nhà vua liền triệu tập tất cả các thương tế và kinh sư trong dân lại, rồi hỏi cho biết Đấng Kí-tô phải sinh ra ở đâu. Họ trả lời: “Tại Bêlem, miền Giudea, vì trong sách ngôn sứ, có chép rằng: Phần người, hời Bêlem, miền đất Giuda, người đâu phải là thành nhỏ nhất của Giuda, vì người là nơi vị lãnh tụ chăn dắt Israel dân Ta sẽ ra đời. Bấy giờ vua Hêrôđê bí mật với các nhà chiêm tinh đến, hỏi cặn kẽ về ngày giờ ngôi sao đã xuất hiện. Rồi vua phái các vị ấy đi Bêlem và dặn: “Xin quý ngài đi dò hỏi tướng tận về Hài Nhi, và khi đã tìm thấy, xin báo lại cho tôi, để tôi cũng đến bái lạy Người”. Nghe nhà vua nói thế, họ ra đi. Bấy giờ ngôi sao họ đã thấy ở phương Đông, lại dẫn đường cho họ đến tận nơi Hài Nhi ở, mới dừng lại. Trông thấy ngôi sao, họ mừng rỡ vô cùng. Họ vào nhà, thấy Hài Nhi với thân mẫu là bà Maria, liền sấp mình thờ lạy Người. Rồi họ mở bao tráp, lấy vàng, nhũ hương và mộc được mà dâng tiến. Sau đó, họ được báo mừng là đừng trở lại gặp vua Hêrôđê nữa, nên đã đi lối khác mà về xứ mình.*

Hêrôđê đã “nỗi điên” và ra lệnh tàn sát hết các bé trai ở Bêlem từ 2 tuổi trở xuống”. Thật khủng khiếp, đúng như lời tiên báo của ngôn sứ Giêrêmia: “Ở Rama, vắng nghe tiếng khóc than rền rĩ: tiếng bà Rakhen khóc thương con mình và không chịu để cho người ta an ủi, vì chúng không còn nữa” (Mt 2:18).



29/12 – Thánh Thomas Becket, Giám mục (1118-1170)

Ngài là người mạnh mẽ, bị dao động một thời gian, nhưng rồi biết mình không thể theo điều xấu và ngài đã trở thành thánh tử đạo. Ngài là Tổng giám mục TGP Canterbury, bị giết trong nhà thờ chính tòa ngày 29-12-1170.

Khi còn làm giám mục phó TGP Canterbury, ngài được vua Henry II (bạn của ngài) chọn làm chưởng ãn Anh quốc lúc 36 tuổi. Khi vua Henry cảm thấy lợi thế nên chọn ngài làm TGM Canterbury, ngài đã cảnh báo nhà vua không được xâm phạm Giáo hội. Khi ngài được tấn phong tổng giám mục năm 1162, ngài từ chức chưởng ãn và thay đổi cách sống!

Rắc rối bắt đầu. Vua Henry vẫn tiếm quyền Giáo hội và ra Hiến pháp Clarendon, không cho giáo sĩ trực tiếp với Rôma. Nhưng thánh Thomas Becket phản đối Hiến pháp, trốn sang Pháp và bị đi đày 7 năm. Khi trở về Anh quốc, ngài biết mình sẽ bị giết, vì ngài đã từ chối lệnh vua. Vua Henry đã hé lèn: “Không ai có thể làm cho ta khỏi rắc rối vì tên giáo sĩ này sao?”. Và 4 hiệp sĩ đã giết ngài ngay trong nhà thờ chính tòa Canterbury. Ngài vẫn là thánh nhân anh hùng nêu gương cho thời đại của chúng ta.



30/12 – Thánh Egwin, Giám mục (qua đời khoảng năm 717)

Ngài là tu sĩ Dòng Biển Đức, được tấn phong giám mục GP Worcester, Anh quốc. Ngài nổi tiếng là yêu thương trẻ mồ côi và người góa bụa, luôn phân xử công bình. Tuy nhiên ngài không được lòng các giáo sĩ. Họ thấy ngài quá nghiêm khắc, còn ngài chỉ muốn cố gắng sửa sai những việc lạm dụng và ra quy luật thôi. Khi ngài tới Rôma trình bày trường hợp của ngài với ĐGH Constantine, ngài được xem xét và trả án.

Trên đường trở về Anh quốc, ngài lập tu viện Evesham, nay là nhà dòng Biển Đức nổi tiếng từ thời Trung cổ. Nhà dòng này dâng kính Đức Maria.

Ngài qua đời tại nhà dòng này vào ngày 30-12. Sau đó, nhiều phép lạ được coi là nhờ sự can thiệp của ngài: Người mù được thấy, người điếc được nghe, người bệnh được khỏi.



31/12 – Thánh Sylvester I, Giáo hoàng (qua đời năm 335)

Nói đến vị giáo hoàng này, chúng ta nghĩ ngay tới sắc lệnh Milan, sự nổi bật của Giáo hội đối với các hầm mộ, các đại giáo đường như đền thờ Thánh Gioan Lateran, đền thờ Thánh Phêrô và các đền thờ khác, Công đồng Nicê và các sự kiện quan trọng khác. Nhưng đa số các sự kiện này được hoàng đế Constantine hoạch định hoặc tạo ra.

Rất nhiều truyền thuyết có về vị giáo hoàng này, ngài làm giáo hoàng vào thời điểm quan trọng nhất, nhưng rất ít điều trở thành lịch sử. Chúng ta biết chắc rằng triều đại giáo hoàng của ngài kéo dài từ năm 314 tới khi ngài qua đời năm 335. Đọc lịch sử, chúng ta chắc chắn rằng chỉ có con người mạnh mẽ và khôn ngoan mới có thể duy trì sự độc lập của Giáo hội trước hoàng đế Constantine. Nói chung, các giám mục vẫn trung thành với Giáo hội, và có những lúc phải xin lỗi ĐGH Sylvester I vì đàm trách các dự án quan trọng của Giáo hội khi thúc giục hoàng đế Constantine.

Thomas Aquinas TRẦM THIỀN THU

(Chuyển ngữ từ BeliefNet.com, Saints.sqpn.com, AmericanCatholic.org, Catholic.org)